

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 6 - 2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thúy Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Vĩnh Hạnh;

2. Bà Huỳnh Thị Lài.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021. về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Hồ Bích T, sinh năm: 1978. Có mặt.

Địa chỉ: phường B, quận B, thành phố Cần Thơ

2. ***Bị đơn:*** Anh Trịnh Xuân D, sinh năm: 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

3. ***Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:***

Trịnh Xuân D (nam), sinh ngày 13/12/2007

Trịnh Minh P (nữ), sinh ngày 19/11/2005.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2021 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Hồ Bích T trình bày:

Chị và anh Trịnh Xuân D tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, TPCT.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Trịnh Xuân D (nam), sinh ngày 13/12/2007 và Trịnh Minh P (nữ), sinh ngày 19/11/2005. Nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị và anh D đã ly thân từ tháng 11/2020, nay tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn. Về con chung: hai con có nguyện vọng sống với chị nên chị yêu cầu được nuôi 02 con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh Trịnh Xuân D, cụ thể vào các ngày như: ngày 05/4/2021 và ngày 28/5/2021 để hòa giải, tự khai và công khai chứng cứ tại tòa, nhưng bị đơn anh D vắng mặt. Tuy nhiên, tại bản tự khai

ngày 19/5/2021 anh D có ý kiến về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung giống như nguyên đơn và đồng ý ly hôn, đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho 02 con chung (P, D); đồng

thời xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo qui định chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị T và anh D tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và Chị T có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh D.

[2]. *Xét quan hệ hôn nhân*: Căn cứ giấy đăng ký kết hôn số 191 ngày 07/12/2001 của Ủy ban nhân dân phường B, nên xác định hôn nhân giữa Chị T và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Theo Chị T, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh D không lo lắng, trách nhiệm với vợ con.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2021 bị đơn anh D thừa nhận có mâu thuẫn như Chị T trình bày, anh đồng ý ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung không có. Đồng thời, yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và anh D là có thật. Nếu như anh D có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình thì trong các lần Tòa án triệu tập anh D đã tham dự. Đáng nài anh D không hề quan tâm việc Chị T yêu cầu ly hôn, chứng tỏ bị đơn cũng không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Hơn nữa, giữa Chị T và anh D đã ly thân từ tháng 11/2020, khi ly thân thì không ai quan tâm đến ai.

Do đó, tình trạng vợ chồng giữa anh D, Chị T đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Chị T.

[3] *Về tài sản và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

[4]. *Về con chung*: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Chị T thì thời gian chung sống có 02 con chung tên Trịnh Xuân D (nam), sinh ngày 13/12/2007 và Trịnh Minh P (nữ), sinh ngày 19/11/2005. Điều này phù hợp với giấy khai sinh các cháu. Nên có cơ sở xác định là con chung của anh D, Chị T.

Tại đơn khởi kiện Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và theo ý kiến nguyện vọng của 02 cháu thì muốn ở với mẹ (Chị T), tại bản tự khai ngày 19/5/2021 bị đơn anh D thống nhất giao 02 con chung cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, phù hợp theo qui định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tại khoản 2 Điều 81 quy định “...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”.
Nên cần chấp nhận yêu cầu này của Chị T. Từ những viện dẫn trên là cơ sở quyết định: Tiếp tục giao cháu P và D cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: anh D cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí hôn nhân & gia đình: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân; bị đơn anh D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 264 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 81, 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Bích T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Trịnh Xuân D.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Bích T được ly hôn với anh Trịnh Xuân D.

[2]. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Trịnh Xuân D (nam), sinh ngày 13/12/2007 và Trịnh Minh P (nữ), sinh ngày 19/11/2005 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh D, không ai được quyền cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[3]. Về cấp dưỡng: Anh D cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho 02 con chung (P và D) cho đến khi đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nguyên đơn Chị T phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002021 ngày 13 tháng 4 năm 2021 thành án phí phải chịu. Bị đơn anh D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thúy Nguyên

